TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 4-BẮC NINH** Bản án số: 20/2025/DSST Ngày 14-8-2025 V/v Tranh chấp HĐ vay TS	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - BẮC NINH

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Dương Thế Vinh

Các Hội thẩm nhân dân: - Ông Nguyễn Hữu Thái;

- Bà Đỗ Thị Hoài Mơ.

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngọ Thị Thanh Hà– Thẩm tra viên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Bắc Ninh tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Văn Hải - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 8 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 4 - Bắc Ninh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 113/2025/TLST-DS ngày 27 tháng 5 năm 2025 (vụ án do Tòa án nhân dân huyện Lục Nam thụ lý, nay là Tòa án nhân dân khu vực 4 - Bắc Ninh), về việc: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 16/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 25/7/2025, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Trần Ngọc H, sinh năm 1985.

Địa chỉ: Tổ dân phố phố T, phường T, tỉnh Bắc Ninh.

Bị đơn: Chị Hoàng Thị T, sinh năm 1977.

Địa chỉ: Thôn K, xã C, tỉnh Bắc Ninh.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Chị Nguyễn Thị M, sinh năm 1985.

Chị M uỷ quyền cho anh Trần Ngọc H tham gia tố tụng tại Toà án.

Địa chỉ: Tổ dân phố phố T, phường T, tỉnh Bắc Ninh.

- Anh Phạm Văn S, sinh năm 1974

Địa chỉ: Thôn K, xã C, tỉnh Bắc Ninh.

(Các đương sự xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**Trong đơn khởi kiện, bản tự khai, cáclời khai và các tài liệu có trong hồ sơ thì nguyên đơn chị Trần Ngọc H trình bày*:

Yêu cầu: Chị Hoàng Thị T và anh Phạm Văn S phải trả cho anh số tiền nợ gốc là 120.000.000 đồng (một trăm hai mươi triệu đồng) theo hợp đồng vay tài sản ngày 25/5/2023.

Căn cứ chứng minh cho yêu cầu khởi kiện như sau:

Do có mối quan hệ xã hội. Ngày 25/5/2023 bà Hoàng Thị T có hỏi vay của anh 120.000.000 đồng. Sau khi hai bên trao đổi, thống nhất, anh đồng ý cho vay và lập hợp đồng vay tài sản (giấy vay tiền). Anh đã giao cho bà T đủ 120.000.000 đồng, thời hạn vay tính từ ngày 25/5/2023, hạn trả nợ 07/6/2023, không lãi suất, bà T đã nhận và viết giấy ký nhận.

Đến hạn trả nợ, bà T không trả, anh đã đòi nhiều lần, nhưng bà T khất nợ. Do bà T thương xuyên trốn tránh việc trả nợ, nên quyền lợi của anh bị xâm phạm, anh khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bà T phải trả anh 120.000.000 đồng, anh không yêu cầu lãi.

Chồng bà T là ông Phạm Văn S, khi vay tiền thì ông S không có mặt, chỉ có anh và bà T thỏa thuận giao dịch, không có mặt ông S.

Khi vay tiền bà T nói với anh để kinh doanh.

Ngày 10/8/2025 anh H thay đổi yêu cầu khởi kiện: Anh H xác định khi vay tiền ông S là chồng bà T không tham gia vay và không liên quan gì đến việc vay tiền. Anh rút yêu cầu buộc anh S phải trả nợ cùng bà T. Anh chỉ yêu cầu một mình bà T trả nợ 120.000.000 đồng, anh không tính lãi.

** Bị đơn chị Hoàng Thị T trình bày*:

Anh Trần Ngọc H yêu cầu chị trả 120.000.000 đồng (một trăm hai mươi triệu đồng), chị xin có ý kiến như sau:

Do làm ăn thua lỗ, nợ rất nhiều người, nên ngày 25/5/2023, chị có vay của anh H 120.000.000 đồng và hẹn đến ngày 07/6/2023 trả. Chị đã nhận tiền đầy đủ và viết giấy vay tiền cho anh H. Khi vay tiền, chị nói là để kinh doanh, nhưng thực tế là để trả nợ cho những người vay trước.

Đến hạn trả nợ, chị không có tiền trả, nay anh H yêu cầu chị trả số tiền trên, chị đồng ý, nhưng đề nghị Tòa án cho chị trả dần vì hiện nay chị không có.

Chị xác nhận chữ viết và chữ ký trong giấy vay tiền là do chị viết và ký ra, nội dung giấy ghi chị vay của anh H 120.000.000 đồng là đúng.

Chồng chị là Phạm Văn S không liên quan gì đến việc vay nợ này.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, anh Phạm Văn S trình bày*: Việc chị T vay tiền anh H, anh không hề biết và không liên quan gì.Tại phiên tòa

nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; các đương sự không thỏa thuận được việc giải quyết vụ án và đều xin vắng mặt.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 – Bắc Ninh phát biểu ý kiến: Việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm của Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã đảm bảo đúng quy định của pháp luật. Viện kiểm sát không có kiến nghị gì.

- Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đúng qui định. Viện kiểm sát không kiến nghị gì.

Đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng Điều 26; Điều 35; Điều 39; Điều 147; Điều 228; Điều 238; Điều 271; Điều 273; Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự (viết tắt là BLTTDS);

Điều 463, 466 Bộ luật dân sự 2015 (viết tắt là BLDS).

Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Trần Ngọc H, buộc chị Hoàng Thị T phải có nghĩa vụ trả cho anh H số tiền 120.000.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

- Về án phí: Chị Hoàng Thị T phải chịu 6.000.000 đồng tiền án phí DSST. Trả lại cho anh H số tiền tạm ứng án phí đã nộp trước đó tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Lục Nam (nay là Phòng Thi hành án dân sự số 4, tỉnh Bắc Ninh).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa và ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 – Bắc Ninh. Sau khi thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị Hoàng Thị T là bị đơn có địa chỉ cư trú tại xã C, huyện L, tỉnh Bắc Giang (nay là xã C, tỉnh Bắc Ninh). Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của BLTTDS thì tranh chấp

thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang.

Từ ngày 01/7/2025 thì Toà án nhân dân huyện Lục Nam sáp nhập với Toà án nhân dân huyện Lạng Giang thành Tòa án nhân dân khu vực 4 - Bắc Ninh. Tòa án nhân dân khu vực 4 - Bắc Ninh đã kế thừa toàn bộ thẩm quyền giải quyết vụ án của Toà án nhân dân huyện Lục Nam và tiến hành giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật (Nghị quyết số: 225/2025/QH15 ngày 27/6/2025 của Quốc hội).

[2] Về quan hệ pháp luật: Anh Trần Ngọc H đề nghị chị Hoàng Thị T phải trả số tiền đã vay. Do đó xác định quan hệ pháp luật là tranh chấp hợp đồng dân sự, mà cụ thể là tranh chấp hợp đồng vay tài sản, theo qui định tại khoản 3 Điều 26 của BLTTDS.

[3] Về sự vắng mặt của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi, nghãi vụ liên quan có đơn xin vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228 của BLTTDS, Tòa án xét xử vắng mặt các đương sự.

[4] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Anh Trần Ngọc H và chị Hoàng Thị T có mối quan hệ xã hội. Do cần tiền làm ăn, nên hai bên có thoả thuận giao kết hợp đồng vay tài sản; trong đó anh H là bên cho vay, còn chị T là bên vay; tài sản cho vay là tiền Việt Nam đồng. Cụ thể: Ngày 25/5/2023 anh H cho chị T vay 120.000.000 đồng. thời hạn vay tính từ ngày 25/5/2023, hạn trả nợ 07/6/2023, vay không lãi. Điều này các bên đều công nhận. Căn cứ Điều 92 của BLTTDS thì đây là tình tiết sự kiện không phải chứng minh.

Do đó cần xác định ngày 25/5/2023 anh H đã cho chị T vay 120.000.000 đồng. Chị T đã nhận đủ tiền và viết giấy biên nhận vay tiền cho anh H.

Đến hạn, chị T không thanh toán cho anh H số tiền trên. Do đó xác định, chị T đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Theo quy định tại Điều 466 của BLDS. Anh H yêu cầu chị T phải trả 120.000.000 đồng là có căn cứ, cần chấp nhận. Buộc chị T phải trả anh H 1120.000.000 đồng.

Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn đề nghị thi hành án mà người phải thi hành án không thi hành hoặc thi hành không đầy đủ số tiền phải thi hành thì người phải thi hành án còn phải chịu tiền lãi với số tiền chưa thi hành theo mức lãi suất qui định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

Tại đơn khởi kiện, anh H yêu cầu anh Phạm Văn S phải trả nợ cùng chị T. Trong quá trình thu thập chứng cứ, các đương sự xác định anh S không liên quan đến việc vay tiền giữa anh H và chị T. Do đó anh H không yêu cầu anh S phải có trách nhiệm trả nợ cùng chị T là có căn cứ, nên không buộc anh S phải trả nợ cùng chị T.

[7] Về án phí: Căn cứ Điều 147 BLTTDS.

- Yêu cầu khởi kiện của anh H được chấp nhận, do đó anh H không phải chịu án phí. Trả lại anh H tiền tạm ứng án phí.

- Chị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trên số tiền phải trả anh H:

120.000.000 đồng x 5% = 6.000.000 đồng.

[2.5] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo qui định tại Điều 271 và Điều 273 của BLTTDS.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều: 116, 117, 118, 119, 357, 463, 464, 465, 466 và 468 của Bộ luật dân sự.

Các Điều: Khoản 3 Điều 26, 35, 39, 147, 150, khoản 1 Điều 228, 238, 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Trần Ngọc H.

Buộc chị Hoàng Thị T phải trả anh Trần Ngọc H số tiền: 120.000.000 đồng (một trăm hai mươi triệu đồng) theo hợp đồng vay tài sản ngày 25/5/2023

Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn đề nghị thi hành án mà người phải thi hành án không thi hành hoặc thi hành không đầy đủ số tiền phải thi hành thì người phải thi hành án còn phải chịu tiền lãi với số tiền chưa thi hành theo mức lãi suất qui định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự (tiền án phí không tính lãi).

2. Về án phí:

- Chị Hoàng Thị T phải chịu 6.000.000 đồng (sáu triệu đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

- Trả lại anh Trần Ngọc H 3.000.000 đồng (ba triệu đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0004818 ngày 27/5/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang nay là Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Ninh.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều: 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo:

Báo cho nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tống đạt bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo qui định của pháp luật.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bắc Ninh;
- VKSND tỉnh Bắc Ninh;
- VKSND khu vực 4 - Bắc Ninh;
- Thi hành án DS tỉnh Bắc Ninh;
- Đương sự;
- Lưu HS+VT.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)

Dương Thế Vinh